

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẦU TƯ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ TỈNH PHÚ THỌ

Phạm Thái Thủy

Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Đại học Hùng Vương

Email: phamthaithuy2013@gmail.com

Lê Văn Cương

Khoa Kinh tế & Quản trị Kinh doanh, Đại học Hùng Vương

Email: levancuong@hvu.edu.vn

Ngày nhận: 24/01/2018

Ngày nhận bản sửa: 20/02/2018

Ngày duyệt đăng: 03/4/2018

Tóm tắt:

Bài viết này phân tích tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế sử dụng phương pháp định lượng từ đó đưa ra các khuyến nghị chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư và dự báo tổng vốn đầu tư của tỉnh Phú Thọ đến năm 2030. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy cho thấy có sự tác động của vốn đầu tư Nhà nước và vốn đầu tư tư nhân đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, chính quyền địa phương nên cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh để thu hút đầu tư của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Bên cạnh đó, việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư Nhà nước có thể sẽ tạo ra tác động lan tỏa cho đầu tư khu vực kinh tế ngoài Nhà nước từ đó thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Từ khóa: Tăng trưởng kinh tế, đầu tư, cơ cấu đầu tư, Phú Thọ.

Impacts of Investments on the Economic Growth in Phu Tho Province

Abstract:

This study examines the impacts of investments on the economic growth by applying quantitative methods for the secondary data in order to make recommendations for improving the efficiency of Phu Tho's investment activities and for forecasting total capital of investment until 2030. The regression results show the state and private investments significantly influence on the economic growth of Phu Tho. Based on the findings, we recommend that the local province should improve the investment environment, enhance the provincial competitiveness to attract more enterprises and improve the efficiency of total capital investment. Moreover, the effective use of state capital investment may create a spillover impact on non-state investment, speeding up the province's economic growth in the coming years.

Keywords: Economic growth, investment, structure of investment, Phu Tho.

1. Giới thiệu

Nằm trong khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ, Phú Thọ là tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế địa phương dựa trên điều kiện tự nhiên phong phú, vị trí thuận lợi và văn hóa truyền thống. Kinh tế của tỉnh trong những năm qua có sự phát triển nhanh, cơ cấu kinh tế có sự dịch chuyển đúng hướng, thu nhập bình quân của người dân tăng lên, chất lượng hoạt động đầu tư và môi trường kinh doanh dần được cải thiện.

Các chỉ tiêu kinh tế – xã hội đều đạt và vượt so với kế hoạch, cụ thể: tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2017 đạt khoảng 35,6 nghìn tỷ đồng, đạt mức tăng trưởng 7,75% so với năm 2016; chỉ tiêu GRDP/người đạt 35 triệu đồng; tỷ trọng ngành công nghiệp – xây dựng là 39%, dịch vụ 39%, nông, lâm nghiệp, thủy sản 22%. Tuy nhiên, so với tiềm năng hiện có thì tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh còn chưa tương xứng, đòi hỏi cần có những đánh giá nghiêm túc để tìm

ra hạn chế và nguyên nhân.

Đầu tư xã hội nói chung là vấn đề được xã hội quan tâm và thực tế là nó tác động rất lớn đến tăng trưởng kinh tế (Nguyễn Thanh Hải, 2017; Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư & Lê Hoàng Phong, 2014; Nguyễn Thế Khang, 2017). Giai đoạn 2007-2017, việc thu hút vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh đạt tốc độ bình quân 17,8%, trong đó tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư của khu vực Nhà nước, ngoài Nhà nước và khu vực đầu tư nước ngoài lần lượt là 13%; 20,3% và 17,7% đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, tỷ lệ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt mức bình quân 9,5%/năm, ở mức trung bình so với các tỉnh thành trong cả nước.

Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn nhiều tồn tại trong hoạt động đầu tư như tổng lượng vốn đầu tư thấp, cơ cấu vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh còn chưa hợp lý, hiệu quả đầu tư chưa cao, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh ở nhóm trung bình, tốc độ gia tăng doanh nghiệp thấp, cơ cấu vốn đầu tư còn mất cân đối, tỷ lệ thu hút vốn đầu tư nước ngoài và khu vực tư nhân chưa cân đối, hiệu quả đầu tư chưa cao. Bên cạnh đó là việc thu hút vốn đầu tư trong một số lĩnh vực như nông nghiệp, môi trường và du lịch còn hạn chế. Trên góc độ phân tích kinh tế, tác động của vốn đầu tư tới tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh vẫn chưa được đề cập một cách có hệ thống trên cơ sở sử dụng phương pháp phân tích định lượng.

Bài viết này tập trung phân tích làm rõ những vấn đề sau: (i) thực trạng đầu tư và phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; (ii) tác động của đầu tư đến tăng trưởng kinh tế; (iii) dự báo tổng nguồn vốn đầu tư xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2030; (iv) định hướng và khuyến nghị các khuyến nghị chính sách liên quan đến đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2030.

2. Tổng quan về tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế

2.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Đã có nhiều nghiên cứu xem xét mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng kinh tế trong đó ý tưởng trung tâm của lý thuyết truyền thống Lewis (1955) là sự gia tăng việc tiết kiệm gia tăng sẽ đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, trong khi các mô hình Harrod-Domar ban đầu chỉ định đầu tư như là chìa khóa để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tiếp đó, mô hình Solow (1970) cho rằng việc tăng tỷ lệ tiết kiệm tăng sản lượng nhà nước ổn định hơn tác động trực tiếp của nó đối với đầu tư bởi vì sự gia tăng về thu nhập làm tăng tiết kiệm, dẫn đến sự gia tăng đầu tư. Bacha (1990) và

Jappelli & Pagano (1994) phát hiện tiền tiết kiệm đóng góp để đầu tư cao hơn và tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) cao hơn trong ngắn hạn. Mặt khác, với các lý thuyết tăng trưởng từ giữa những năm 1980, điển hình là Barro (1990), Lucas (1988) và Romer (1986) khẳng định lại quan điểm cho rằng sự tích tụ của vốn là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dài hạn.

Trong thời gian gần đây, các nghiên cứu khi xem xét tác động của đầu tư với tăng trưởng kinh tế đi theo hướng nghiên cứu thực nghiệm bằng các phương pháp khác nhau. Nghiên cứu của Le & Sugura (2005) đã nghiên cứu tác động đồng thời của chi tiêu công và đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu đã sử dụng một mẫu gồm 105 quốc gia đang phát triển và phát triển trong giai đoạn 1970-2001, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư công và đầu tư tư nhân đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tuy nhiên các khoản đầu tư công tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và đầu tư công quá cao có thể cản trở các tác động có lợi của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Nghiên cứu của Dandan (2011) đề cập đến tác động của chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế bằng cách sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian của Jordan cho giai đoạn 1990-2006. Nghiên cứu này đã tìm thấy rằng đầu tư công đã tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế tương thích với lý thuyết Keynesian. Theo đó các nghiên cứu đã chỉ ra rằng có một mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng theo chiều thuận.

Tuy nhiên trên thực tế, nhiều trường hợp mức đầu tư lớn chưa chắc đã hiệu quả, có nghĩa là cứ tăng đầu tư là có thể dẫn tới tỷ lệ tăng trưởng cao hơn. Deverajan & cộng sự (1996) chỉ ra rằng đầu tư công và đầu tư tư nhân có ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế của các địa phương thuộc các nước đang phát triển, kết quả được giải thích bởi các khoản chi thường chỉ đem lại hiệu quả khi được sử dụng đúng mức và sẽ có thể trở thành không hiệu quả nếu bị lạm dụng. Trong một nghiên cứu khác của Belloumi (2014) khi xem xét mối quan hệ giữa đầu tư trực tiếp nước ngoài, sự mở cửa thương mại và tăng trưởng kinh tế đối với Tunisia bằng cách áp dụng phương pháp thử nghiệm giới hạn để hợp nhất trong giai đoạn từ năm 1970 đến năm 2008. Kết quả của nghiên cứu cho thấy không có mối quan hệ nhân quả quan trọng từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với tăng trưởng kinh tế, từ tăng trưởng kinh tế sang vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ thương mại sang

tăng trưởng kinh tế và từ tăng trưởng kinh tế đến thương mại trong ngắn hạn. Mặc dù có một niềm tin rộng rãi rằng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể tạo ra những tác động ngoại ứng lan tỏa tốt cho nước chủ nhà, nhưng kết quả thực nghiệm không khẳng định niềm tin này đối với trường hợp của Tunisia.

2.2. Các nghiên cứu trong nước

Tương tự, vai trò của đầu tư với tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam cũng được các học giả quan tâm nghiên cứu. Một số nghiên cứu tập trung vào phân tích thực nghiệm về tác động của đầu tư đến tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam.

Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Hải (2017) với phương pháp sử dụng mô hình hồi quy đã phân tích tác động của các loại vốn đầu tư (bao gồm đầu tư công, đầu tư tư nhân và đầu tư trực tiếp nước ngoài) đến tăng trưởng kinh tế các địa phương tại Việt Nam. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy chỉ có đầu tư trực tiếp nước ngoài có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế của các địa phương Việt Nam còn đầu tư công và đầu tư tư nhân không có tác động đáng kể.

Nghiên cứu của Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư & Lê Hoàng Phong (2014) đã kiểm tra hiệu ứng của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 1988-2012. Trên cơ sở mô hình đa biến được phác họa từ hàm sản xuất, bằng cách tiếp cận phân phối trễ tự hồi quy, nghiên cứu cho thấy tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn không có ý nghĩa thống kê, nhưng có tác động thúc đẩy tăng trưởng trong dài hạn.

Nghiên cứu của Nguyễn Thế Khang (2017) đã chỉ ra rằng, trong dài hạn đầu tư tư nhân trong nước, đầu tư trực tiếp nước ngoài, lao động và độ mở thương mại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, trong đó đầu tư trực tiếp nước ngoài có đóng góp mạnh nhất vào tăng trưởng. Tuy nhiên, đầu tư công lại có tác động âm đến tăng trưởng kinh tế. Trong ngắn hạn thì chưa có bằng chứng để kết luận vì các hệ số ước lượng không có ý nghĩa thống kê ngoại trừ yếu tố lao động và độ mở thương mại tác động nghịch chiều đến tăng trưởng kinh tế.

Trong thực tế hiện nay tại Việt Nam, việc quản lý và sử dụng không hiệu quả các loại đầu tư làm giảm tính năng động của nền kinh tế, đồng thời kéo theo tình trạng lạm phát và thâm hụt ngân sách, từ đó tác động tiêu cực tới quá trình phát triển kinh tế của các địa phương (Nguyễn Minh Phong, 2013). Theo đó, việc xác định một cơ cấu đầu tư như thế nào là hợp lý là một vấn đề cần phải xem xét cụ thể.

Như vậy, vai trò của đầu tư đối với tăng trưởng kinh tế đã và đang được nhiều học giả quan tâm và nghiên cứu. Tuy nhiên, các nghiên cứu được phát triển nhiều hướng khác nhau. Trong đó, nghiên cứu về tác động của đầu tư đến tăng trưởng kinh tế ở cấp độ địa phương còn chưa nhiều. Bên cạnh đó, việc kết hợp tìm kiếm bằng chứng thực nghiệm về tác động của đầu tư đến tăng trưởng kinh tế và phân tích cơ chế quản lý hoạt động đầu tư ở cùng một trường hợp nghiên cứu chưa được chú trọng. Chính vì vậy, bài viết này hướng đến mục tiêu kiểm định thực nghiệm tác động của đầu tư đến tăng trưởng kinh tế và phân tích thực trạng về cơ chế quản lý đầu tư tại tỉnh Phú Thọ giai đoạn 1998-2016.

3. Mô hình nghiên cứu tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế

Mô hình nghiên cứu tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế của nhóm tác giả được mô phỏng dưới dạng mô hình hồi quy tuyến tính, trên cơ sở tham khảo mô hình của Nguyễn Thanh Hải (2017), có dạng tổng quát: $GRDP = f(GCapital, PCapital, FCapital)$ (1)

$$GRDP_i = a_0 + a_1 \cdot GCapital + a_2 \cdot PCapital + a_3 \cdot FCapital + u_i \quad (2)$$

Trong đó, GRDP là biến phụ thuộc; các biến độc lập (GCapital, PCapital, FCapital) lần lượt là vốn đầu tư xã hội khu vực kinh tế Nhà nước, vốn đầu tư xã hội khu vực kinh tế tư nhân và vốn đầu tư nước ngoài.

Sau khi chạy mô hình, chúng tôi sử dụng kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến để kiểm tra các giả thuyết về sự tương quan giữa các biến độc lập (vốn đầu tư phân theo loại hình) và đưa ra kết luận chắc chắn về sự tác động của vốn đầu tư tới tốc độ tăng trưởng kinh tế. Kiểm tra giả định về hiện tượng đa cộng tuyến thông qua hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance inflation factor). Nếu giá trị $VIF < 10$ thì có thể nhận xét có không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập sử dụng trong mô hình hồi quy.

Số liệu sử dụng chủ yếu là dữ liệu hàng năm từ Cục thống kê tỉnh Phú Thọ giai đoạn 19 năm (1998-2016). Dữ liệu sau khi thu thập, được phân loại và sắp xếp theo các chủ đề khác nhau phân theo các loại hình đầu tư. Số liệu điều tra được phân tổ và xử lý trên máy tính bằng chương trình Excel và chạy mô hình sử dụng phần mềm STATA.

Ngoài ra, để làm rõ thực trạng đầu tư nhóm tác giả còn vận dụng các chỉ tiêu như số tuyệt đối, số tương

Bảng 1: Biến số được sử dụng trong mô hình

Biến số	Ý nghĩa và phương pháp đo lường
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, được sử dụng để tính tăng trưởng kinh tế (%). Đo lường dựa trên chênh lệch tổng sản phẩm trên địa bàn (theo giá so sánh 2010)
GCapital	Tổng vốn đầu tư xã hội khu vực kinh tế Nhà nước (tỷ đồng)
PCapital	Tổng vốn đầu tư xã hội khu vực kinh tế ngoài Nhà nước (tỷ đồng)
FCapital	Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (tỷ đồng)

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

đối, số bình quân,...để phân tích sự biến động về tình hình đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Để phân tích sâu hơn về chất lượng tăng trưởng kinh tế nhóm tác giả sử dụng 03 nhóm chỉ tiêu: GRDP/người, hệ số hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) và số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Thực trạng đầu tư và tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Thọ

Tình hình đầu tư theo khu vực kinh tế trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2005-2017

Cơ cấu đầu tư theo khu vực kinh tế có thể chia ra ba khu vực là khu vực Nhà nước, khu vực ngoài Nhà nước và khu vực kinh tế có đầu tư nước ngoài. Số liệu được tổng hợp qua Bảng 1, tổng số vốn đầu tư năm 2005 là 4.302,45 tỷ đồng, trong đó, đầu tư khu vực kinh tế Nhà nước chiếm 43,93%, đầu tư khu vực kinh tế ngoài Nhà nước chiếm 26,57% và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 29,5%. Đến năm 2011, tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh là 11.424,69 tỷ đồng, trong đó đầu tư khu vực Nhà nước và tư nhân chiếm phần lớn tỷ trọng (khoảng 90%), vốn đầu tư vốn nước ngoài chỉ chiếm dưới 10%. Tuy nhiên, đến năm 2017, tỷ lệ đóng góp vốn của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng lên xấp xỉ 17%. Đầu tư khu vực kinh tế ngoài Nhà nước tăng mạnh, đạt 61,29%, trong tổng vốn đầu tư xã hội ở mức 23.657 tỷ đồng. Như vậy, trong giai

đoạn 2005-2017, cơ cấu vốn đầu tư trên địa bàn có sự thay đổi theo hướng tăng đóng góp của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

Cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế trong giai đoạn 1998-2004 cho thấy sự chuyển dịch có sự biến động khá nhiều, tỷ trọng vốn đầu tư khu vực kinh tế Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn nhất, sau đó có xu hướng giảm. Giai đoạn 2005-2016, vốn đầu tư khu vực tư nhân có xu hướng tăng lên, trong khi đó vốn đầu tư khu vực Nhà nước giảm khá nhiều và vốn đầu tư nước ngoài có sự biến động nhẹ (xem thêm trong Hình 1).

Cơ cấu đầu tư theo ngành kinh tế trong giai đoạn 2006-2015 cho thấy sự chuyển dịch có sự biến động, tuy nhiên tỷ trọng đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp vẫn là nhỏ nhất. Giai đoạn 2006-2009, đầu tư cho khối ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 10%, trong đó xu hướng chuyển dịch đầu tư từ các nhóm ngành công nghiệp – xây dựng sang khu vực dịch vụ (xem thêm trong Hình 2). Năm 2010, 2011 là năm có tỷ trọng đầu tư cho nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng cao nhất, lần lượt 18,63% năm 2010 và 20,02% năm 2011 do sự dịch chuyển đầu tư từ khu vực công nghiệp – xây dựng. Xu hướng đầu tư nhóm ngành dịch vụ đạt trên 50% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Tuy nhiên, ở năm 2012 đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp giảm chỉ còn gần 2%

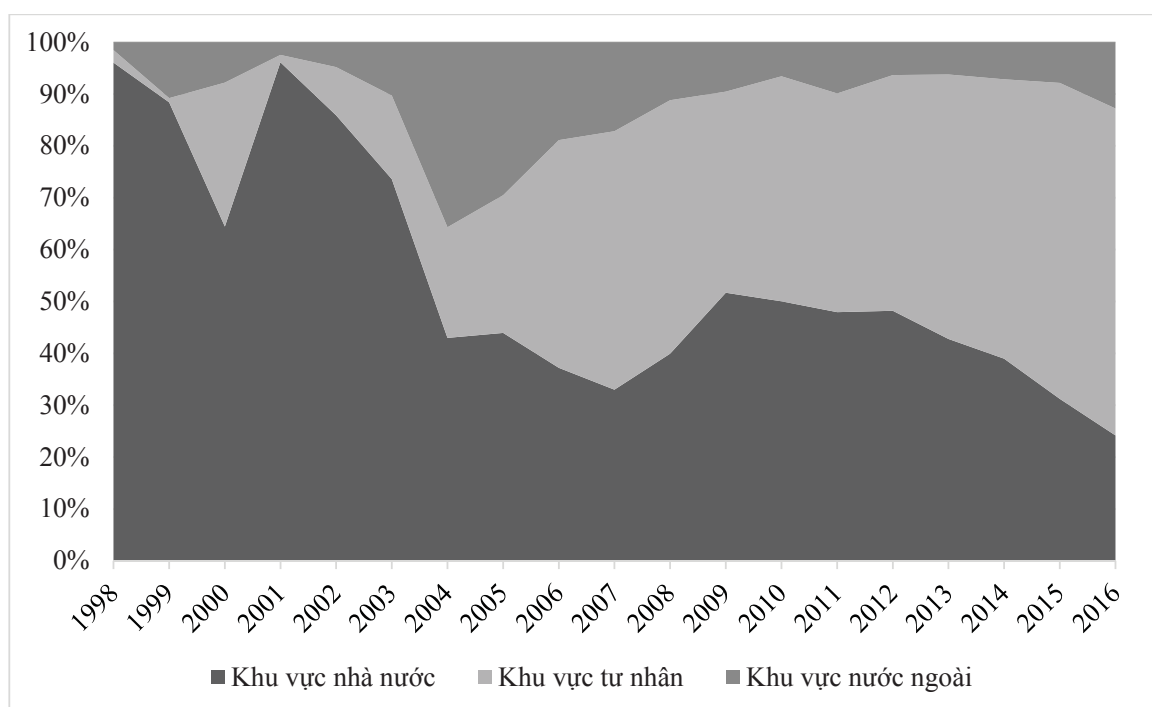
Bảng 2: Thực trạng đầu tư ở tỉnh Phú Thọ (phân theo khu vực kinh tế)

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2011		Năm 2017	
	Số lượng (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Số lượng (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Số lượng (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)
Tổng vốn đầu tư xã hội	4.302,45	100,00	11.424,69	100,00	23.657,00	100,00
- Khu vực kinh tế Nhà nước	1.889,86	43,93	5.476,46	47,94	5.157,00	21,80
- Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	1.143,03	26,57	4.817,07	42,16	14.500,00	61,29
- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	1.269,56	29,50	1.131,16	9,90	4.000,00	16,91

**Ghi chú: Số liệu vốn đầu tư được tính theo giá thực tế các năm*

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (2006, 2012, 2017b)

Hình 1: Chuyển dịch cơ cấu đầu tư theo khu vực kinh tế ở tỉnh Phú Thọ



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (1999-2016)

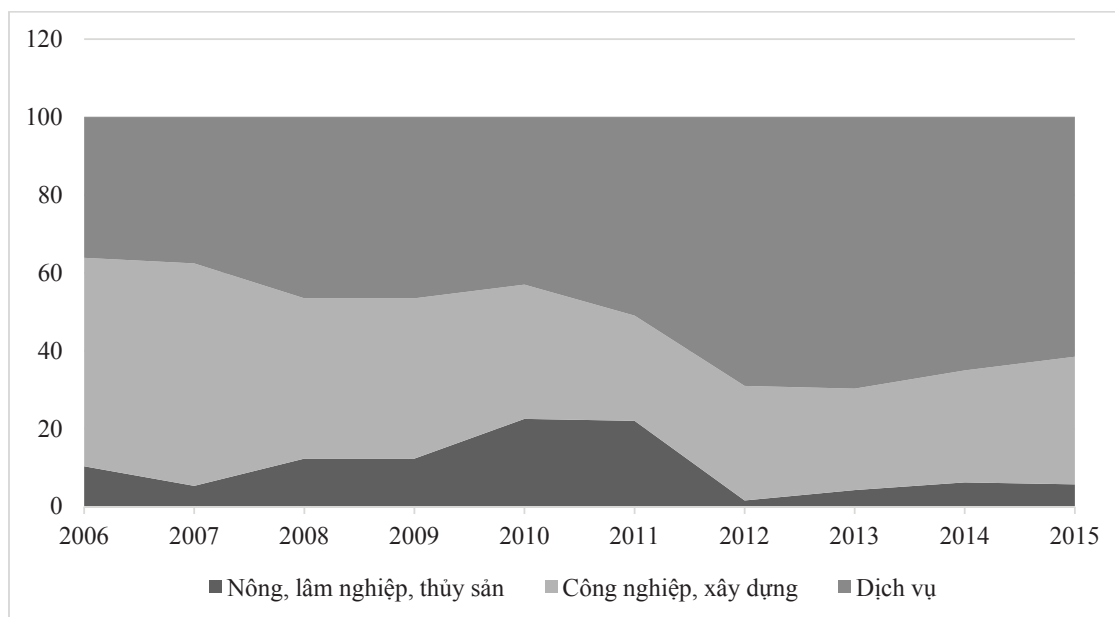
tổng vốn đầu tư xã hội, ngược lại đầu tư cho nhóm ngành dịch vụ tăng mạnh đạt 69% (trong đó, khoảng 50% vốn đầu tư cho dịch vụ vận tải).

Giai đoạn 2012-2015, chứng kiến xu hướng tăng dần đầu tư trong lĩnh vực đầu tư cho nông nghiệp

khoảng 6%, đầu tư cho nhóm ngành công nghiệp – xây dựng ở mức 26-32%, và nhóm ngành dịch vụ giao động ở mức 62-69%.

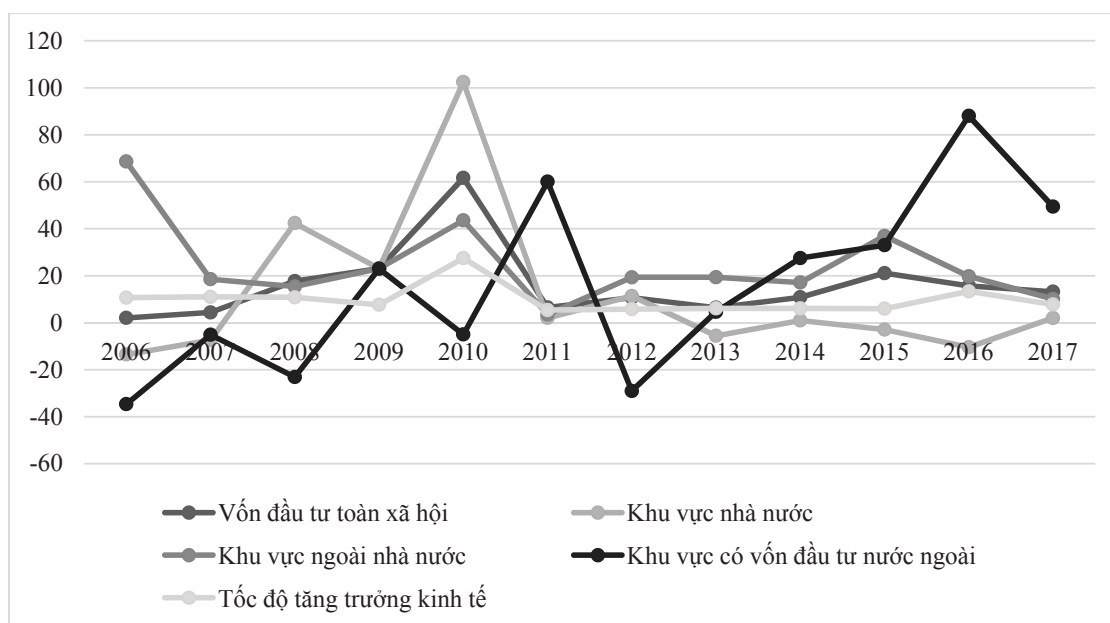
Như vậy, xét trên đóng góp vào GRDP và số việc làm được tạo ra trong nền kinh tế địa phương, cơ cấu

Hình 2: Chuyển dịch cơ cấu đầu tư ở tỉnh Phú Thọ theo ngành kinh tế



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (2007-2016)

Hình 3: Tăng trưởng của các loại hình đầu tư với tốc độ tăng trưởng kinh tế



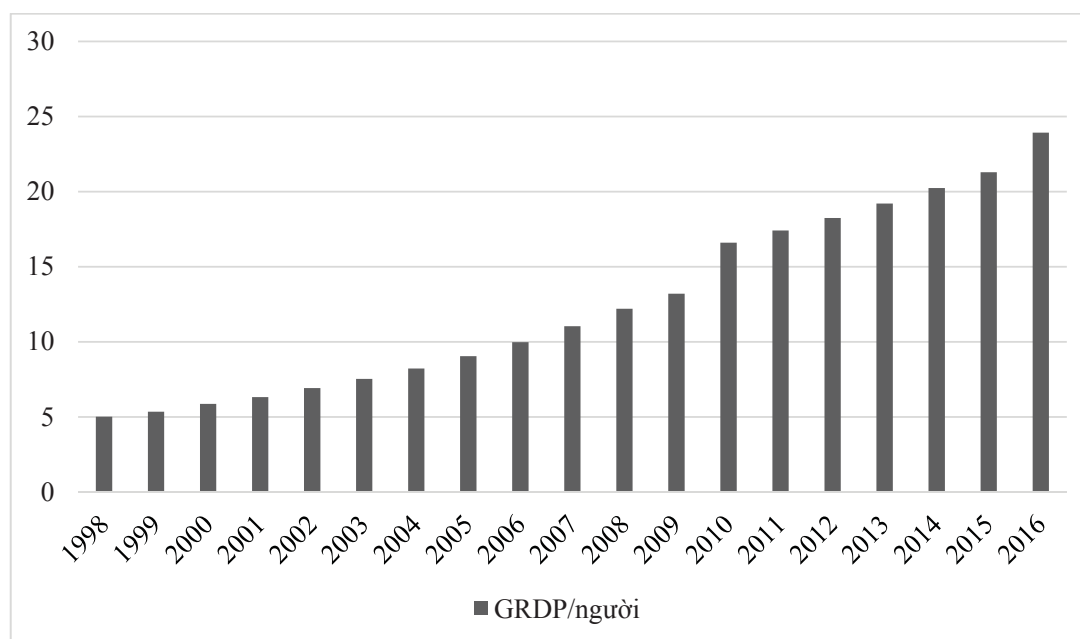
Nguồn: Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (2007-2016, 2017a, 2017b)

đầu tư của tỉnh Phú Thọ trong thời gian qua còn bộc lộ nhiều bất cập trong các ngành. Ngành nông lâm nghiệp và thủy sản đóng góp khoảng 22%-25% vào GRDP, tạo ra trên 50% việc làm trong nền kinh tế

nhưng đầu tư cho ngành này trong cả giai đoạn chỉ ở mức 6% tổng đầu tư. Trong khi đó, đầu tư cho nhóm ngành dịch vụ (chủ yếu là giao thông vận tải) tăng dần trong cả giai đoạn, mặc dù mức đóng góp vào

Hình 4: Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người

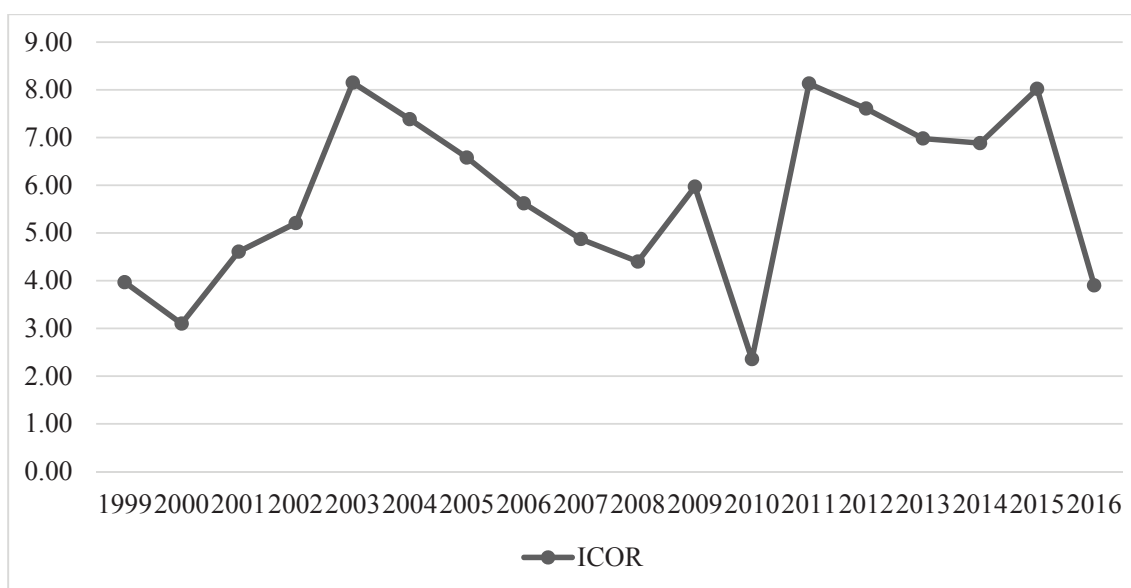
Đơn vị tính: Triệu đồng



* Ghi chú: Giá so sánh 2010

Nguồn: Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (1999- 2016)

Hình 5: Hệ số sử dụng vốn (ICOR)



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (1999-2016, 2017a, 2017b)

GRDP và tạo việc làm còn hạn chế.

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về giá trị trong phạm vi một nền kinh tế, ở đây xét tới phạm vi kinh tế địa phương. Trong khi đó, đầu tư là việc bỏ vốn ở thời điểm hiện tại nhằm mục tiêu thu được lợi trong tương lai. Liên hệ với tỉnh Phú Thọ, giai đoạn 2006-2017 tổng vốn đầu tư toàn xã hội có xu hướng tăng lên nhưng tốc độ còn chậm, một số giai đoạn cơ cấu đầu tư có sự thay đổi nhanh (ví dụ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài năm 2009 và năm 2011). Từ năm 2012, nhờ các chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài nên lượng vốn đầu tư của khu vực này có sự tăng trưởng nhanh qua các năm. Đối ngược với xu hướng trên là sự giảm tốc độ tăng vốn khu vực đầu tư Nhà nước từ năm 2011. (Chi tiết xem Hình 3)

Trong nội dung này chúng tôi phân tích sâu thêm khía cạnh chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh dựa trên 3 chỉ tiêu: (i) tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người; (ii) hệ số sử dụng vốn (hay còn

gọi là hệ số đầu tư tăng trưởng); (iii) số lượng doanh nghiệp trên địa bàn.

Số liệu thể hiện qua Hình 4 cho thấy tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người tăng khá ổn định trong cả giai đoạn, trung bình cứ mất khoảng 8 năm (1998-2006; 2006-2014) thì chỉ tiêu này có giá trị tăng lên gấp đôi. Tốc độ tăng bình quân GRDP/người của cả giai đoạn là 9,62%, phản ánh mức độ ổn định và phát triển kinh tế của tỉnh, qua đó đời sống vật chất của nhân dân cũng tiếp tục được cải thiện. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung của cả nước và các tỉnh/thành phố lớn thì chỉ tiêu này chỉ ở mức trung bình.

ICOR là một hệ số được sử dụng khá phổ biến ở Việt Nam để đánh giá về mối quan hệ giữa đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Hệ số này cho biết muốn tăng một đồng GRDP thì cần bao nhiêu đồng vốn đầu tư trong một thời kỳ nhất định. Do đó, nếu hệ số này có giá trị càng cao thì hiệu quả đầu tư càng thấp và

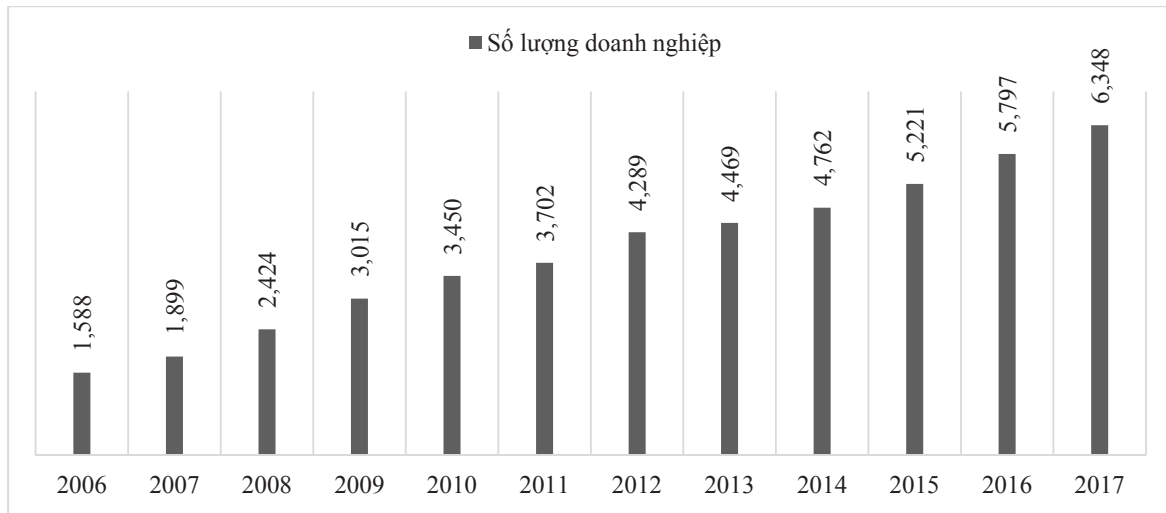
Bảng 3: Kết quả ước lượng mô hình tác động tới tốc độ tăng trưởng

Biến độc lập	Hệ số	Sai số chuẩn	Giá trị kiểm định	Mức xác suất có ý nghĩa
Gcapital	1,285***	0,375	3,430	0,004
PCapital	2,841***	0,181	15,660	0,000
Fcapital	-1,154**	0,612	-1,890	0,079
cons	4.152.513	1.234.655	3,360	0,004

Mức ý nghĩa thống kê: *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả, tháng 3 năm 2018

Hình 6: Số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2006-2017



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (2007-2016, 2017a, 2017b)

ngược lại. Qua Hình 5 chúng ta dễ dàng nhận thấy sự biến động của hệ số sử dụng vốn ở tỉnh Phú Thọ qua các năm, bình quân cả giai đoạn là 5,76 điểm. Tính riêng giai đoạn (2011-2015) bình quân giá trị ICOR của tỉnh là 7,52 cao hơn ICOR chung của cả nước là 6,91. Hệ số sử dụng vốn ở mức cao đã và đang đặt ra nhiều vấn đề đối với chất lượng tăng trưởng và hiệu quả đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Thọ trong những năm tiếp theo.

Trong những năm vừa qua, tỉnh Phú Thọ đã từng bước tạo mọi điều kiện tốt nhất để các doanh nghiệp có cơ hội phát triển. Điều này đã tạo ra một kết quả khá ấn tượng về số lượng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Năm 2006 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ mới chỉ có 1.588 doanh nghiệp, đến năm 2017 con số này đã lên đến 6.348 doanh nghiệp, gấp gần 4 lần so với năm 2006. Sự tăng lên này chủ yếu là các doanh nghiệp tư nhân (từ 1.472 doanh nghiệp lên 5.647 doanh nghiệp), doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (từ 59 doanh nghiệp lên 117 doanh nghiệp).

4.2. Phân tích tác động của đầu tư và tăng

trưởng kinh tế tỉnh Phú Thọ

Trong nội dung này, chúng tôi tập trung phân tích tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh sử dụng phương pháp ước lượng bình phương nhỏ nhất (OLS), kết quả ước lượng được thể hiện trong Bảng 3.

Kết quả chạy mô hình cho thấy vốn đầu tư khu vực kinh tế Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân có tác động cùng chiều với tăng trưởng kinh tế lần lượt mức mức ý nghĩa thống kê 1%, trong khi đó vốn đầu tư nước ngoài có tác động ngược chiều với tăng trưởng kinh tế. Kiểm định sự phù hợp của mô hình có ý nghĩa ở mức ý nghĩa 1%, giá trị F kiểm định tương ứng là 154,71. Từ kết quả phát hiện tác động của đầu tư Nhà nước và đầu tư tư nhân, chúng tôi nghĩ rằng chính quyền tỉnh Phú Thọ cần thiết phải điều chỉnh các chính sách hướng vào tăng hiệu quả hoạt động đầu tư và hướng đến mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

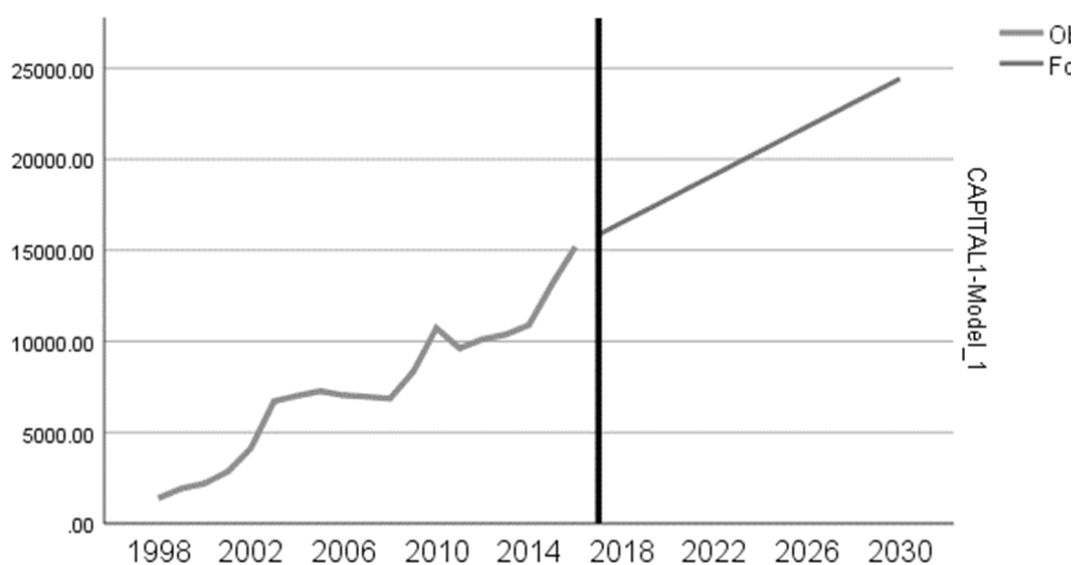
Kiểm định về mối quan hệ giữa các biến số đầu tư (VIF) ở Bảng 4 cho thấy không có mối tương quan

Bảng 4: Kết quả kiểm định hiện tượng đa cộng tuyến

Biến độc lập	Giá trị VIF	Giá trị (1/VIF)
lnPCapital	1,610	0,622
lnFcapital	1,390	0,720
lnGcapital	1,190	0,840
Giá trị trung bình VIF	1,400	

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả, tháng 3 năm 2018

Hình 7: Dự báo tổng nguồn vốn đầu tư xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2030



Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả, tháng 3 năm 2018

giữa các biến đưa vào mô hình. Giá trị trung bình VIF là 1,4 điểm.

4.3. Dự báo nhu cầu đầu tư phát triển tỉnh Phú Thọ đến 2030

Qua phân tích ở các nội dung trên cho thấy tổng vốn đầu tư của tỉnh Phú Thọ có xu hướng tăng lên qua từng năm không thể hiện có sự ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ nên để dự báo nhu cầu đầu tư phát triển tỉnh Phú Thọ nhóm tác giả sử dụng phương pháp hàm mũ Holt để dự báo. Vì đây là phương pháp phù hợp khi dữ liệu theo thời gian có tính xu hướng (không mùa) (Đinh Bá Hùng Anh, 2016).

Sau khi đưa số liệu vốn đầu tư các năm của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 1998-2016 vào phần mềm SPSS, chạy hàm mũ Holt cho ra số liệu dự báo vốn đầu tư năm 2030 là 24.412,70 tỷ đồng.

5. Định hướng đầu tư và một số khuyến nghị chính sách

5.1. Định hướng đầu tư phát triển tỉnh Phú Thọ đến năm 2020

Để có thể đưa ra những giải pháp phù hợp cho việc phát triển đầu tư tại tỉnh Phú Thọ cần phải bám

sát các định hướng phát triển kinh tế xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 đã được phê duyệt của Chính phủ (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

Về mục tiêu phát triển kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (giá so sánh 2010) bình quân 7,5%/năm; trong đó, công nghiệp – xây dựng tăng 9,5%/năm, dịch vụ tăng 7,5%/năm, nông, lâm nghiệp tăng 3,5%/năm. Cơ cấu kinh tế năm 2020, công nghiệp – xây dựng 41,5%, dịch vụ 38,5%, nông lâm nghiệp, thủy sản 20%, GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 52,5 triệu đồng (tương đương 2.400 USD). Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 95 nghìn tỷ đồng (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

Về định hướng đầu tư

Để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế trên, tỉnh Phú Thọ cần phải có định hướng chiến lược đầu tư vào các lĩnh vực kinh tế cho phù hợp để tối đa hóa hiệu quả đầu tư, đồng thời tránh thất thoát, lãng phí vốn.

Thứ nhất, về ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản cần có sự quan tâm hơn so với các năm trước. Đây mạnh đầu tư sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất

Bảng 5: Sai số dự báo của mô hình

Sai số tuyệt đối trung bình (MAE)	Sai số bình phương trung bình (MSE)	Sai số phần trăm tuyệt đối trung bình (MAPE)
748,701	1.028,580	9,753

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả, tháng 3 năm 2018

hàng hóa phù hợp với tiềm năng và lợi thế so sánh của tỉnh. Đầu tư phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, bảo đảm đủ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu, tạo sự liên kết bền vững giữa vùng sản xuất nguyên liệu với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ. Tăng cường đầu tư từ ngân sách Nhà nước, đa dạng hóa các nguồn vốn nhằm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

Thứ hai, về ngành công nghiệp – xây dựng cần tiếp tục đẩy mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng then chốt, trọng tâm là hạ tầng khu, cụm công nghiệp và các dự án, công trình lớn có tác động lan tỏa. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư khu công nghiệp: Phú Hà, Cẩm Khê, Phù Ninh, Trung Hà. Bên cạnh đó, việc huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng một số công trình, dự án lớn nhằm phát triển vùng kinh tế động lực của tỉnh Phú Thọ; phát triển du lịch, dịch vụ và kết nối, phát huy lợi thế đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai; phát triển hệ thống điện lưới đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

Thứ ba, tập trung thu hút đầu tư dịch vụ du lịch, phát triển tour tuyến và sản phẩm du lịch. Tập trung huy động nguồn lực xây dựng các dự án hạ tầng du lịch trọng điểm tại thành phố Việt Trì, các huyện Thanh Thủy và huyện Hạ Hoà. Khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng hạ tầng du lịch, khu đô thị sinh thái – du lịch – nghỉ dưỡng – thể thao (Thủ tướng Chính phủ, 2008).

5.2. Một số khuyến nghị chính sách đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, đầu tư đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương. Các lý thuyết về kinh tế đều khẳng định cơ cấu đầu tư hợp lý sẽ góp phần tăng năng suất của nền kinh tế, đồng thời tạo động lực khuyến khích phát triển doanh nghiệp khu vực ngoài Nhà nước và khu vực có vốn đầu tư

nước ngoài để trở thành động lực tăng trưởng bền vững bên cạnh vai trò điều tiết của khu vực kinh tế Nhà nước.

Bên cạnh các thành tựu đạt được trong hoạt động đầu tư, còn không ít hạn chế cần được khắc phục như cơ cấu vốn đầu tư còn mất cân đối giữa các ngành kinh tế, tỷ lệ thu hút vốn đầu tư nước ngoài và khu vực tư nhân chưa cân đối, hiệu quả đầu tư chưa cao. Liên hệ với lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, nơi tập trung trên 50% lực lượng lao động và tạo ra đóng góp khoảng 22% GRDP toàn tỉnh nhưng mức đầu tư rất hạn chế chỉ khoảng 5-6%/năm một số năm gần đây.

Phân tích sâu hơn tác động của vốn đầu tư với tăng trưởng kinh tế trên cơ sở bộ dữ liệu thời gian 19 năm, chúng tôi thấy rằng trong giai đoạn 1998-2016, tăng trưởng kinh tế địa phương có tương quan chặt chẽ với các nguồn vốn đầu tư xã hội. Do đó chính quyền địa phương cần điều chỉnh cơ cấu đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả đầu tư, thúc đẩy sự phát triển của các loại hình doanh nghiệp để đảm bảo sự tăng trưởng đạt được sự ổn định và bền vững. Để làm được điều đó thì chính quyền địa phương cần cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Bên cạnh đó, việc sử dụng hiệu quả của vốn đầu tư Nhà nước có thể sẽ tạo ra tác động lan tỏa cho đầu tư khu vực ngoài Nhà nước từ đó thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, nhóm tác giả cũng nhận thấy bài viết này còn một số hạn chế do bộ số liệu chưa đầy đủ nên nhóm tác giả chưa được nhiều biến trong mô hình hay lựa chọn các biến kiểm soát nhằm phân tích đầy đủ các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh. Các yếu tố ảnh hưởng vốn đầu tư, đặc biệt là vấn đề chính sách hay các vấn đề liên quan đến đầu tư phát triển cũng là các vấn đề quan trọng nhằm gợi mở cho những nghiên cứu tiếp theo của nhóm tác giả.

Tài liệu tham khảo:

- Bacha, E.L (1990), 'A three Gap Model of Foreign Transfers and the GDP growth Rate in Developing Countries', *Journal of Development Economics*, 32, 279-296.
- Barro, R.J. (1990), 'Government Spending in a Simple Model of Endogenous Growth', *Journal of Political Economy*, 98, 103-125.
- Belloumi, M. (2014), 'The relationship between trade, FDI and economic growth in Tunisia: An application of the autoregressive distributed lag model', *Economic Systems*, 38(2), 269-287.
- Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (1999-2016), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ năm 1998*, Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (2017a), *Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ năm 2016*, Nhà xuất bản Thống kê.
- Cục thống kê tỉnh Phú Thọ (2017b), *Số liệu kinh tế-xã hội năm 2017 tỉnh Phú Thọ*, truy cập ngày 01 tháng 03 năm 2018, từ <http://thongkephutho.vn/uploads/news/2017_12/t25_kt-xh-thang-12-va-nam-2017_dp.pdf>.
- Dandan, M.M. (2011), 'Government expenditures and economic growth in Jordan', *International Conference on Economics and Finance Research Proceedings*, IPEDR, IACSIT Press, Singapore, 467-471.
- Devarajan, S., Swaroop, V. & Zou, H. (1996), 'The composition of public expenditure and economic growth', *Journal of Monetary Economics*, 37, 313-344.
- Đinh Bá Hùng Anh (2016), *Dự báo trong kinh doanh*, Nhà xuất bản kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, 229.
- Japelli, T. & Pagano, M. (1994), 'Savings, Growth and Liquidity Constraints', *Quarterly Journal of Economics*, 109, 83-109.
- Le, V.M. & Suruga, T. (2005), 'Foreign direct investment, public expenditure and economic growth: the empirical evidence for the period 1970-2001', *Applied economics letters*, 12(1), 45-49.
- Lewis, W.A. (1955), *The Theory of Economic Growth*, Homewood, Ill: Irwin, USA.
- Lucas, R. (1988), 'On the Mechanics of Economic Development', *Journal of Monetary Economics*, 22, 3-42.
- Nguyễn Minh Phong (2013), 'Nâng cao hiệu quả đầu tư công', *Tạp chí Tài chính*, 5(2013).
- Nguyễn Thanh Hải (2017), 'Tác động của đầu tư tới tăng trưởng kinh tế tại các địa phương ở Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế & phát triển*, 235(2), 10-15.
- Nguyễn Thế Khang (2017), 'Tác động của đầu tư đến tăng trưởng kinh tế và hội tụ thu nhập tại Việt Nam', luận văn thạc sĩ, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Romer, P. (1986), 'Increasing Returns and Long Run Growth', *Journal of Political Economy*, 94, 1002-1037.
- Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 99/2008/QĐ-TTg về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Phú Thọ đến năm 2020*, ban hành ngày 14 tháng 7 năm 2008.
- Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư & Lê Hoàng Phong (2014), 'Tác động của đầu tư công đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: Góc nhìn thực nghiệm từ mô hình ARDL', *Tạp chí Phát triển và hội nhập*, 19(29), 3-10.
- Solow, R. (1970), *Growth Theory: An Exposition*, Clarendon Press, Oxford, UK.